

c) Các tổ chức thu phí chợ.

- Ban quản lý chợ; HTX quản lý chợ; Tổ hoặc bộ phận quản lý chợ;
- Doanh nghiệp kinh doanh khai thác và quản lý chợ;
- Các mô hình quản lý chợ hiện hành khác.

**Điều 2.** Mức thu phí.

1. Đối với các chợ đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước.

Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu			
		Chợ hạng 1	Chợ hạng 2	Chợ hạng 3	Chợ chưa xếp hạng
<b>I/ Chợ Vinh</b>					
<i>1. Địa điểm kinh doanh cố định</i>					
a) Quầy thường					
Loại 1	đ/m <sup>2</sup> /tháng	126.000			
Loại 2	đ/m <sup>2</sup> /tháng	115.000			
Loại 3	đ/m <sup>2</sup> /tháng	92.000			
Loại 4	đ/m <sup>2</sup> /tháng	75.000			
Loại 5	đ/m <sup>2</sup> /tháng	58.000			
Loại 6	đ/m <sup>2</sup> /tháng	42.000			
Loại 7	đ/m <sup>2</sup> /tháng	29.000			
Loại 8	đ/m <sup>2</sup> /tháng	23.000			
b) Quầy góc					
Loại 1	đ/m <sup>2</sup> /tháng	184.000			
Loại 2	đ/m <sup>2</sup> /tháng	161.000			
Loại 3	đ/m <sup>2</sup> /tháng	138.000			
Loại 4	đ/m <sup>2</sup> /tháng	115.000			
Loại 5	đ/m <sup>2</sup> /tháng	81.000			
Loại 6	đ/m <sup>2</sup> /tháng	58.000			
Loại 7	đ/m <sup>2</sup> /tháng	40.000			
Loại 8	đ/m <sup>2</sup> /tháng	35.000			
<i>2. Địa điểm kinh doanh không cố định (hàng rong):</i>					
Loại 1: Hàng thực phẩm tươi sống như lòng sống, tôm, cá...	đ/lượt vào chợ	8.000			
Loại 2: Hàng nông cụ sản xuất và các loại thực phẩm khác như rau, gia súc, gia		7.000			